

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HOÀNG MAI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **11/2019/DS - ST**

Ngày: 30/09/2019

V/v yêu cầu hủy hợp đồng ủy quyền

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI
*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thanh Tú - Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Bình

2. Bà Trần Thị Minh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Anh - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Hoàng Mai tham gia phiên tòa: Bà Bùi Vũ Ngọc Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 09 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án Dân sự thụ lý số: 100/2018/TLST- DS ngày 19 tháng 12 năm 2018 về việc yêu cầu hủy hợp đồng ủy quyền theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXX-ST ngày 28 tháng 08 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 76/2019/DS – QĐ ngày 12 tháng 09 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1944

Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1947

Trú tại: D5/2 đường 385 khu phố 2, tổ 8 phường T, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

Vắng mặt tại phiên tòa

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Hoàng G, sinh năm 1974

HKTT: Số 63 phố T, phường B, quận H, thành phố Hà Nội.

Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Văn phòng công chứng H

Trụ sở: Số 1253 đường G, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Thanh Q – Trưởng văn phòng công chứng.

Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phùng Thị X, sinh năm 1975

Trú tại: thôn T, xã L, huyện T, thành phố Hà Nội.

Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Tại Bản tự khai, các văn bản tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị C do ông Đỗ Hoàng G là người đại diện theo ủy quyền trình bày như sau:***

Ngày 17/9/2011 tại Văn phòng công chứng H, số 1253 đường G, phường T, quận H, thành phố Hà Nội, công chứng viên Lê Thanh Q đã lập hợp đồng ủy quyền số 3050/2011/HĐUQ, quyền số: 04 TP/SCC-HĐGD giữa ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị C ủy quyền cho bà Phùng Thị X để thay mặt ông, bà thực hiện các công việc sau đây:

- Nhận và quản lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gốc số: B867170, được UBND huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội cấp ngày 20/7/1993.
- Trông nom, quản lý, sử dụng diện tích đất nói trên (được ghi cụ thể trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).
- Đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp đổi mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được ghi cụ thể trong giấy chứng nhận.

Ngày 05/5/2015, Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 2198/QĐ-UBND về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B867170 do Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội cấp ngày 20/7/1993 mang tên ông Nguyễn Văn T tại thôn T, xã L, huyện T, thành phố Hà Nội. Lý do thu hồi: Thực hiện Thông báo số 235/TB-UBND ngày 15/4/2015 của Ủy ban nhân dân huyện T về kết quả giải quyết đơn của công dân.

Sau khi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị thu hồi, gia đình ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị C đã nhiều lần thông báo cho bà Phùng Thị X về việc chấm dứt hợp đồng ủy quyền nhưng bà X không có ý kiến trả lời yêu cầu trên.

Theo điều 3 của Hợp đồng ủy quyền số 3050.2011/HĐUQ, quyền số: 04 TP/SCC-HĐGD do Văn phòng công chứng H lập ngày 17/9/2011 quy định về thời hạn ủy quyền

nêu rõ: “*Thời hạn ủy quyền từ khi ký bản hợp đồng này đến khi bên B thực hiện xong nội dung ủy quyền (hết hiệu lực theo quy định của pháp luật)*”.

Căn cứ khoản 5 điều 422 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định chấm dứt hợp đồng: “*5. Hợp đồng không thể thực hiện được do đối tượng của hợp đồng không còn*”.

Theo đó Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B867170 do Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội cấp ngày 20/7/1993 đã được Ủy ban nhân dân huyện T thu hồi ngày 05/5/2015 thì hợp đồng ủy quyền đương nhiên hết hiệu lực theo quy định tại khoản 5 điều 422 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 569 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng ủy quyền:

“1. Trường hợp ủy quyền có thù lao, bên ủy quyền có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng bất cứ lúc nào, nhưng phải trả thù lao cho bên được ủy quyền tương ứng với công việc mà bên được ủy quyền đã thực hiện và bồi thường thiệt hại; nếu ủy quyền không có thù lao thì bên ủy quyền có thể chấm dứt thực hiện hợp đồng bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho bên được ủy quyền một thời gian hợp lý...”

Trong trường hợp này, ông T, bà C ủy quyền cho bà X thông qua hợp đồng ủy quyền không có thù lao, do đó ông T, bà C có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng ủy quyền nếu như đã báo trước cho bà X.

Vậy, ông T, bà C yêu cầu Tòa án nhân dân Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội tuyên bố hủy bỏ hợp đồng ủy quyền số 3050.2011/HĐUQ, quyền số: 04 TP/SCC-HĐGD do Văn phòng công chứng H lập ngày 17/9/2011 do đối tượng ủy quyền không còn và bên ủy quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng ủy quyền do không có nhu cầu ủy quyền cho bà X thực hiện các công việc ủy quyền nữa.

Về thủ tục công chứng của Văn phòng công chứng H, ông T, bà C khẳng định văn phòng đã làm đúng quy định của pháp luật công chứng đối với hợp đồng ủy quyền giữa ông, bà và bà X. Ông, bà ký văn bản ủy quyền trong trạng thái đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không bị ai ép buộc, lừa dối. Ông, bà không có ý kiến gì về thủ tục công chứng hợp đồng ủy quyền của công chứng viên.

Từ sau khi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B867170 do Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội cấp ngày 20/7/1993 mang tên ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị C bị thu hồi thì ông T, bà C cũng chưa làm thủ tục kê khai, xin cấp lại Giấy chứng nhận, đồng thời cũng chưa có ai khác làm thủ tục kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Toàn bộ diện tích thửa đất ông T, bà C bị thu hồi Giấy chứng nhận vẫn do ông T, bà C quản lý, sử dụng.

****Tại Công văn số 17/2019/CV-CCHM ngày 18/01/2019, bản trình bày ngày 29/08/2019 và các văn bản tố tụng khác Văn phòng công chứng H do ông Lê Thanh Q, trưởng Văn phòng công chứng là người đại diện theo pháp luật trình bày như sau:***

Văn phòng công chứng H – thành phố Hà Nội có trụ sở tại số 1253 đường G, phường T, quận H, thành phố Hà Nội. Đối với yêu cầu khởi kiện hủy hợp đồng ủy quyền số 3050.2011/HĐUQ, quyền số: 04 TP/SCC-HĐGD do Văn phòng công chứng H lập ngày 17/9/2011 của ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị C đối với chúng tôi thì chúng tôi có ý kiến như sau:

Sau khi kiểm tra lại toàn bộ hồ sơ lưu trữ và quy trình, trình tự thực hiện việc công chứng đối với hợp đồng ủy quyền nói trên, văn phòng công chứng thấy như sau:

Hợp đồng ủy quyền số 3050.2011/HĐUQ, quyền số: 04 TP/SCC-HĐGD do Văn phòng công chứng H lập ngày 17/9/2011.

+ Bên ủy quyền (gọi là bên A): Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1944, mang CMND số: 024635279 do công an thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/01/2007 và vợ là bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1947; mang CMND số: 025065012 do công an thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/2/2009, cả hai vợ chồng cùng có hộ khẩu thường trú: D5/2 tổ 8 Khu phố 2, phường T, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

+ Bên được ủy quyền: (gọi là bên B): Bà Phùng Thị X, sinh năm 1975, mang CMND số: 01271661 do công an thành phố Hà Nội cấp ngày 01/7/2005, hộ khẩu thường trú: thôn T, xã L, huyện T, thành phố Hà Nội.

+ Căn cứ ủy quyền: Bên A là chủ sử dụng diện tích đất tại địa chỉ xã L, huyện T, thành phố Hà Nội. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: B867170 thửa đất số 92, tờ bản đồ số 01, diện tích 413m² đất ở, mang tên bên A được Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội cấp ngày 20/7/1993. Đặc điểm thửa đất được ghi cụ thể trong giấy chứng nhận nêu trên.

+ Nội dung ủy quyền: Bên A ủy quyền cho bên B được toàn quyền thay mặt nhân danh bên A thực hiện các việc sau đây: Nhận và quản lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gốc số: B867170, được Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội cấp ngày 20/7/1993. Trông nom, quản lý, sử dụng diện tích đất nói trên (được ghi cụ thể trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp đổi mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được ghi cụ thể trong giấy chứng nhận. Khi thực hiện nội dung ủy quyền trên bên B được lập và ký các giấy tờ cần thiết tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định đồng thời được thay mặt bên A nộp các khoản phí và các loại thuế (nếu có) theo quy định của pháp luật.

Bên B đồng ý nhận ủy quyền của bên A.

+ Thời hạn ủy quyền: Thời hạn ủy quyền từ khi ký bản hợp đồng này đến khi bên B thực hiện xong nội dung ủy quyền (hết hiệu lực theo quy định của pháp luật).

Về trình tự, thủ tục công chứng đúng quy định của pháp luật, đối tượng ủy quyền là có thật, chủ thể giao dịch trong hợp đồng ủy quyền nói trên là đúng người, người tham gia hợp đồng, giao dịch hoàn toàn tự nguyện, có năng lực hành vi dân sự, mục đích, nội dung hợp đồng, giao dịch không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Hồ sơ yêu cầu công chứng đầy đủ phiếu yêu cầu công chứng hợp đồng, giao dịch; giấy chứng minh nhân dân; sổ hộ khẩu của các bên và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng theo quy định của pháp luật.

Từ khi chứng nhận hợp đồng ủy quyền nêu trên đến nay, văn phòng công chứng H không nhận được bất cứ đơn từ khiếu nại, thông báo phản ánh gì về hồ sơ đã được công chứng nói trên.

Văn phòng công chứng H đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về công chứng trong việc công chứng hợp đồng ủy quyền số 3050 ngày 17/9/2011 nói trên. Vì vậy, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị C nếu muốn hủy hợp đồng ủy quyền thì phải cùng bà Phùng Thị X đến Văn phòng công chứng H thực hiện việc hủy hợp đồng ủy quyền theo quy định của pháp luật (điều 44 Luật công chứng năm 2006 và điều 51 Luật công chứng năm 2014).

Theo quy định của Luật công chứng (khoản 3 điều 4 Luật công chứng năm 2006 và khoản 1 Điều 5 Luật công chứng năm 2014) thì hợp đồng ủy quyền được văn phòng công chứng H chứng nhận nói trên đã phát sinh hiệu lực, không có căn cứ nào để xác định vô hiệu hợp đồng ủy quyền nói trên. Vì vậy, đề nghị Tòa án nhân dân Quận Hoàng Mai bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị C đối với yêu cầu hủy hợp đồng ủy quyền nói trên theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm đã trình bày: yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng ủy quyền số 3050.2011/HĐUQ, quyền số: 04 TP/SCC-HĐGD do Văn phòng công chứng H lập ngày 17/9/2011 với lý do đối tượng ủy quyền không còn và ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị C không có nhu cầu ủy quyền nội dung công việc cho bà Phùng Thị X nên được quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng ủy quyền. Thửa đất đã bị thu hồi Giấy chứng nhận cho đến nay chưa ai làm thủ tục kê khai cấp Giấy chứng nhận, ông T, bà C vẫn quản lý, sử dụng thực tế.

Bị đơn là Văn phòng công chứng H vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Phùng Thị X vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Hoàng Mai tham gia phát biểu ý kiến tại phiên tòa có ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng: Về thụ lý và thông báo thụ lý vụ án đảm bảo đúng quy định tại khoản 1, 2 Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về thẩm quyền thụ lý vụ án và quan hệ pháp luật đúng quy định tại điều 26; điểm a khoản 1 điều 35; điểm c khoản 1 điều 39 bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng theo quy định tại điều 68 bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; ra quyết định phân công thẩm phán theo đúng quy định tại khoản 2 điều 197 bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về thời hạn chuẩn bị xét xử: không đảm bảo thời hạn theo quy định tại điều 203

bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ quy định quyền và nghĩa vụ đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại điều 73 bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề xuất Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu hủy hợp đồng ủy quyền số 3050 ngày 17/9/2011 đối với Văn phòng công chứng H. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là Văn phòng công chứng H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phùng Thị X vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Văn phòng công chứng H và bà Phùng Thị X.

Về nguyên tắc áp dụng pháp luật giải quyết vụ án: hợp đồng ủy quyền số 3050.2011/HĐUQ, quyền số: 04 TP/SCC-HĐGD do Văn phòng công chứng H lập ngày 17/9/2011. Văn bản công chứng hợp đồng ủy quyền được lập vào thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2005, Luật công chứng năm 2006 có hiệu lực pháp luật. Vì vậy, theo nguyên tắc áp dụng pháp luật tại thời điểm xác lập giao dịch, hợp đồng, Hội đồng xét xử áp dụng các quy định tại Bộ luật Dân sự năm 2005 và Luật công chứng năm 2006 để xem xét, giải quyết.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu văn phòng công chứng H hủy hợp đồng ủy quyền số 3050.2011/HĐUQ, quyền số: 04 TP/SCC-HĐGD do Văn phòng công chứng H lập ngày 17/9/2011 thấy:

Văn phòng công chứng H được thành lập theo Quyết định số 2689/QĐ-UBND ngày 09/7/2008; Quyết định cho phép chuyển đổi mô hình tổ chức hoạt động số 6500/QĐ-UBND ngày 30/12/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; Giấy đăng ký hoạt động của văn phòng công chứng số 05/TP-ĐKHĐ ngày 12/10/2016. Có trụ sở tại số 1253 đường G, phường T, quận H, thành phố Hà Nội. Trưởng văn phòng công chứng là ông Lê Thanh Q – Công chứng viên.

Ông Lê Thanh Q có thẻ công chứng viên số 708/TP-CC được Bộ tư pháp cấp ngày 30/8/2011.

Xét thấy Văn phòng công chứng H và công chứng viên tại thời điểm thực hiện công chứng hợp đồng ủy quyền số 3050 đảm bảo đủ điều kiện tư cách pháp nhân và điều kiện thực hiện công chứng hợp đồng ủy quyền số 3050.2011/HĐUQ, quyền số: 04 TP/SCC-HĐGD do Văn phòng công chứng H lập ngày 17/9/2011 theo quy định tại Luật công chứng năm 2006.

Về thủ tục công chứng: Văn phòng công chứng H đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục công chứng theo quy định tại các điều 35, 36 Luật công chứng năm 2006 đối với trường hợp công chứng hợp đồng, giao dịch do công chứng viên soạn thảo theo yêu cầu

của người đề nghị công chứng gồm: Phiếu yêu cầu công chứng ngày 16/9/2011, có đầy đủ chữ ký của bên yêu cầu là ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị C và bà Phùng Thị X. Người yêu cầu công chứng đã thể hiện nội dung ý muốn trong phiếu yêu cầu là công chứng “*hợp đồng ủy quyền (TM vợ chồng tôi xin cấp đổi lại giấy chứng nhận QSDĐ mới)*”; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 867170 do Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội cấp ngày 20/7/1993 cho chủ sử dụng là ông Nguyễn Văn T; Chứng minh thư nhân dân và sổ hộ khẩu của ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị C, bà Phùng Thị X. Văn bản công chứng hợp đồng ủy quyền được thực hiện theo thể thức đúng quy định, được đánh số trang đầy đủ, vào sổ theo dõi, các trang của văn bản có chữ ký nháy của công chứng viên và các bên ký kết hợp đồng, cuối văn bản có chữ ký và điểm chỉ xác nhận của ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị C, bà Phùng Thị X, các bên xác nhận về việc từng người một đã đọc lại, nghe công chứng viên đọc lại nguyên văn bản hợp đồng ủy quyền, hiểu rõ nội dung và hậu quả pháp lý của việc giao kết hợp đồng. Lời chứng của công chứng viên đảm bảo đầy đủ nội dung công chứng theo quy định của Luật công chứng 2006.

Về chủ thể khi tham gia ký kết vào hợp đồng ủy quyền, các bên tham gia ký hợp đồng ủy quyền xác nhận trong tình trạng minh mẫn, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không bị ai ép buộc, lừa dối, đe dọa. Việc ký kết hoàn toàn tự nguyện.

Về nội dung công chứng: thực hiện yêu cầu của ông T, bà C, bà X, văn phòng công chứng H đã soạn thảo và công chứng Hợp đồng ủy quyền số 3050 với nội dung ủy quyền là xác thực. Tại thời điểm công chứng, ông T là chủ sử dụng hợp pháp của diện tích đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đối tượng của ủy quyền, thừa đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là có thật, các nội dung ủy quyền không vi phạm pháp luật, không vi phạm đạo đức nên việc công chứng nội dung đảm bảo.

Văn phòng công chứng H và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn khẳng định từ sau khi công chứng hợp đồng ủy quyền các bên không có khiếu nại gì về thủ tục công chứng.

Đại diện nguyên đơn trình bày yêu cầu hủy hợp đồng ủy quyền với lý do đối tượng hợp đồng ủy quyền là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B867170 do Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội cấp ngày 20/7/1993 cho chủ sử dụng là ông Nguyễn Văn T đã bị thu hồi và ông T, bà C không có nhu cầu ủy quyền nhưng bà X không hợp tác, không cùng lên Văn phòng công chứng H để làm thủ tục thỏa thuận hủy hợp đồng ủy quyền. Hội đồng xét xử nhận thấy ông T, bà C đã khởi kiện sai người bị kiện. Nếu ông, bà muốn hủy hợp đồng ủy quyền với bà X nhưng hai bên có tranh chấp thì phải khởi kiện trực tiếp bà X để giải quyết tranh chấp giao dịch giữa hai bên. Văn phòng công chứng H chỉ là tổ chức hành nghề công chứng giao dịch dân sự giữa các bên có yêu cầu công chứng, Văn phòng công chứng không có quan hệ ủy quyền với ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị C. Văn phòng công chứng chỉ thực hiện hủy bỏ văn bản công chứng khi đảm bảo các điều kiện theo quy định tại điều 44 Luật công chứng năm 2006.

Với những lập luận, chứng cứ nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu hủy hợp đồng ủy quyền số 3050.2011/HĐUQ, quyền số: 04 TP/SCC-HĐGD do Văn phòng công chứng H lập ngày 17/9/2011 đối với Văn phòng công chứng H vì thủ tục công chứng đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đồng thời giữa ông T, bà C và văn phòng công chứng H không có quan hệ ủy quyền mà chỉ là quan hệ giữa bên yêu cầu dịch vụ công chứng và bên công chứng. Ông T, bà C phải khởi kiện bên có quan hệ ủy quyền với mình nếu phát sinh tranh chấp từ hợp đồng ủy quyền nên giành quyền khởi kiện cho ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị C trong một vụ án dân sự khác nếu có tranh chấp hợp đồng ủy quyền với bên nhận ủy quyền tại tòa án nhân dân có thẩm quyền.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị C phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm do không được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Xét ông T, bà C là người cao tuổi theo điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009 quy định: “*Người cao tuổi được quy định trong Luật này là công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên*” nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục mức án phí, lệ phí kèm theo Nghị quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 122, 124, 581 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Áp dụng điều 5, 8, 10, 13, 26, 27, 35, 36, 40, 41, 42, 44 Luật công chứng năm 2006;

Áp dụng khoản 3 điều 26; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; điều 147, 203; khoản 1 Điều 227; 235, 271, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Áp dụng điều 12; khoản 3 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục mức án phí, lệ phí kèm theo Nghị quyết.

*** Xử:** Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị C đối với Văn phòng công chứng H yêu cầu hủy Hợp đồng ủy quyền số 3050.2011/HĐUQ, quyền số: 04 TP/SCC-HĐGD do Văn phòng công chứng H lập ngày 17/9/2011.

Giành quyền khởi kiện cho ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị C nếu có tranh chấp hợp đồng ủy quyền tại vụ án khác.

***Về án phí:** Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị C mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được miễn toàn bộ án phí. Hoàn trả ông T, bà C 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm theo Biên lai thu tiền số 0004641 ngày 19/12/2018 tại Chi Cục thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

**Về quyền kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị C, ông Đỗ Hoàng G được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Văn phòng công chứng H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Bà Phùng Thị X được quyền kháng cáo phần quyết định liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND Q.Hoàng Mai
- THA DS Q.Hoàng Mai
- Lưu hồ sơ
- Lưu VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán

Tô Thanh Tú

